TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2019/HS-ST
Ngày: 25-6-2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Ngọc Sương – Là giáo viên nghỉ hưu;

2. Bà Võ Thị Thu Thủy – Là Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ thị xã Thuận An.

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Công Tứ, Thư ký Toà án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20, ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 140/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn N, sinh năm 1993 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: 639 ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; tạm trú: 45/9, K, khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1964; bị cáo có vợ tên Đồng Thị T Chọn và có 01 con; tiền án; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 12/11/2018.

2. Lê Văn M (tên gọi khác: L), sinh ngày 09 tháng 12 năm 2001 tại huyện L, tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: 48/9 khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1980; tiền án; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 12/11/2018 đến ngày 25/01/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn cho bảo lĩnh.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Văn M*: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1980 và ông Lê Văn T, sinh năm 1977; cùng cư trú: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang, (cha mẹ ruột của bị cáo M). Có mặt ông T, vắng mặt bà L.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn M*: Luật sư Nguyễn Văn H – Văn phòng Luật sư D thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Bị hại*: Bà Nguyễn Thị Cẩm G, sinh năm 1994; nơi cư trú: Ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; tạm trú: Đường X, Khu phố 3, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

Bà Trương Thị D, sinh năm 1997. Vắng mặt.

Ông Phạm Đức C, sinh năm 1974. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 12/11/2018, Lê Văn N rủ Lê Văn M, sinh ngày 09/12/2001 (M là em chú bác với N) đi tìm tài sản sơ hở của người đi đường để cướp giật bán lấy tiền tiêu xài thì M đồng ý. N điều khiển xe mô tô kiểu dáng Wave, màu xanh, biển số 67K7-3346 chở theo M ngồi phía sau đi từ nhà trọ tại khu phố H, phường T rồi đi qua khu dân cư Việt Sing thuộc khu phố 4, phường A để tìm tài sản chiếm đoạt. Khi đi đến đoạn đường D19 gần Trung tâm văn hóa lao động tỉnh Bình Dương thuộc khu phố 4, phường An Phú, thị xã Thuận An thì N phát hiện bà Nguyễn Thị Cẩm G điều khiển xe mô tô chở phía sau bà Trương Thị D, đang chạy cùng chiều và bà G cầm điện thoại ở tay trái để nghe. Lúc này, N điều khiển xe chạy vượt qua xe của bà G, rồi vòng xe lại chạy từ phía sau lên cho áp sát vào xe của bà G để M ngồi sau đưa tay phải qua giật lấy chiếc điện thoại di động Vivo màu đen của bà G rồ tăng ga bỏ chạy, bị giật điện thoại nên bà G cũng tăng ga truy đuổi theo đồng thời truy hô "cướp, cướp" thì được ông Phạm Đức C là thành viên Câu lạc bộ phòng chống tội phạm phường Thuận Giao đang đi trên đường nghe được và hỗ trợ truy đuổi theo được một đoạn thì bắt giữ N và M cùng tang vật trình báo Công an phường An Phú đến lập hồ sơ xử lý.

Theo Biên bản định giá và Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Thuận An ngày 19/11/2018 xác định: 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu đen có giá trị 5.500.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 160/CT-VKS-TA ngày 03/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An đã truy tố các bị cáo Lê Văn N, Lê Văn M về tội Cướp giật tài sản theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định như bản cáo trạng đã truy tố và xác định: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo M phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo N xúi dục bị cáo M là người chưa đủ 18 tuổi phạm tội là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã được thu hồi giao trả cho chủ sở hữu.

Kiểm sát viên đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Văn N mức án từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù đến 4 (bốn) năm tù.

Xử phạt bị cáo Lê Văn M mức án từ 02 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù đến 3 (ba) năm tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy 01 con dao bằng kim loại cán nhựa dài 25 cm; đề nghị giao cho Công an thị xã Thuận An xe mô tô biển số 67K7-3346 để tiếp tục xác minh làm rõ.

Về trách nhiệm dân sự: Không yêu cầu xử lý.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn M, Luật sư Nguyễn Văn H trình bày:

Thống nhất với cáo trạng, bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và mức hình phạt. Tuy nhiên, xét về nguyên nhân, điều kiện phạm tội: Gia đình bị cáo thuộc thành phần nghèo tha phương cầu thực lên Bình Dương từ năm 2015 để làm ăn sinh sống. Bị cáo Lê Văn M bị rủ rê, thiếu suy nghĩ nên đã phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi. Việc phạm tội của bị cáo có một phần trách nhiệm của gia đình bị cáo. Mặt khác, bị cáo M phạm tội chưa gây thiệt hại nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ điểm h Điều 51 Bộ luật Hình sự là tình tiết giảm nhẹ hình phạt, bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn. Tại phiên tòa, bị cáo và cha bị cáo khai là hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54, khoản 6 Điều 91 Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo mức hình phạt thấp nhất và cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội giống nội dung Viện kiểm sát truy tố. Các bị cáo đã ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo M, ông Lê Văn T trình bày: Bị cáo Lê Văn M sinh ngày 09/12/2001, có cha là Lê Văn T, sinh năm 1977, mẹ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1980. Bị cáo M được đăng ký khai sinh lần đầu tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang vào năm 2005 nhưng do khai sai thông tin về mẹ nên năm 2015 đã khai sinh lại tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang (nơi bị cáo sinh sống), ông T, bà L thống nhất với trình bày của người bào chữa và lời khai của bị cáo M.

Quá trình tố tụng bị hại trình bày: Nội dung sự việc như bản cáo trạng, bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm và yêu cầu xử lý nghiêm minh các bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thị xã Thuận An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Lê Văn N, Lê Văn M đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo thống nhất với nhau, phù hợp với các tình tiết như bản cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian địa điểm, quá trình thực hiện hành vi phạm tội và tài sản đã chiếm đoạt. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định:

Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 12/11/2018, bị cáo Lê Văn N điều khiển xe mô tô biển số 67K7-3346 chở bị cáo M ngồi phía sau, khi đi đến đoạn đường D19 gần Trung tâm văn hóa lao động tỉnh Bình Dương thuộc phường An Phú, thị xã Thuận An thì Neo phát hiện bà Nguyễn Thị Cẩm G điều khiển xe mô tô đang chạy cùng chiều và cầm điện thoại ở tay trái để nghe, N điều khiển xe chạy vượt qua xe của bà G, rồi vòng xe lại chạy từ phía sau lên cho áp sát vào xe của bà G để M ngồi sau đưa tay phải qua giật lấy chiếc điện thoại di động Vivo màu đen của bà G rồi nhanh chóng tẩu thoát. Hành vi của các bị cáo đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội Cướp giật tài sản, các bị cáo sử dụng xe môtô là nguồn nguy hiểm cao độ đang lưu thông trên đường cướp giật tài sản của bị hại cũng đang lưu thông trên đường bằng xe mô tô có thể gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khoẻ của bị hại và những người khác đang tham gia lưu thông trên đường là phạm tội thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm là tình tiết định khung theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Do đó Bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An truy tố các bị cáo về tội Cướp giật tài sản là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức đề nghị hình phạt của Kiểm sát viên đối với các bị cáo là phù hợp.

Lời trình bày của người bào chữa cho bị cáo M là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tài sản của người khác một cách trái pháp luật, là nguy cơ gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người khác, xâm phạm trật tự an toàn công cộng, ảnh hưởng an ninh xã hội tại địa phương. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi sử dụng xe mô tô đang lưu thông để cướp giật tài sản của người khác cũng đang lưu thông bằng xe mô tô là rất nguy hiểm cho tính mạng, sức khỏe của họ, của chính các bị cáo và những người khác, là vi phạm pháp luật và sẽ bị trừng trị, nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi, nên các bị cáo cố ý phạm tội nên cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả phạm tội đã thực hiện có xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo.

Trong vụ án có đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, trong đó bị cáo N là người khởi xướng, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người thực hành nên tính chất nguy hiểm cho xã hội của bị cáo N cao hơn bị cáo M. Khi quyết định hình phạt căn cứ vào tính chất, mức độ, vai trò và nhân thân của từng bị cáo để có mức hình phạt tương ứng với từng bị cáo. Bị cáo Lê Văn M khi thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên

Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 101 tại Chương XII Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 về những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội để có quyết định hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo M phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo N có hành vi xúi dục bị cáo M là người chưa đủ 18 tuổi phạm tội là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã được thu hồi giao trả cho chủ sở hữu nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản các bị cáo đã chiếm đoạt là 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu đen có giá trị 5.500.000 đồng đã được thu hồi giao trả cho chủ sở hữu, bị hại không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Xe mô tô hai bánh kiểu dáng Wave, nhãn hiệu NAKASEI, có số máy VTTJL152FMH-B002119, số khung VTTDCH014TT*002119* mà các bị cáo sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, qua điều tra xác định xe do ông Phạm Văn D, trú tại: N, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang đứng tên đăng ký, qua điều tra chưa xác định được nơi cư trú hiện nay của ông D, bị cáo N khai mua xe tại An Giang, không làm thủ tục sang tên, Cơ quan điều tra đã tiến hành thông báo tìm chủ sở hữu, thông báo phát sóng trên Đài phát thanh truyền hình Bình Dương nhưng chưa xác định được chủ sở hữu nên giao cho Công an thị xã Thuận An xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với 01 con dao cán nhựa màu đen, lưỡi bằng kim loại màu trắng bản 25 cm thu giữ trong vụ án, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 47; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. (áp dụng đối với bị cáo Lê Văn N).

- Điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 47; Điều 58; Điều 90; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. (áp dụng đối với bị cáo Lê Văn M).

- Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn N, Lê Văn M phạm tội Cướp giật tài sản.

- Xử phạt Lê Văn N 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/11/2018.

- Xử phạt Lê Văn M 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 12/11/2018 đến ngày 25/01/2019.

2. Về xử lý vật chứng:

- Giao Công an thị xã Thuận An xe mô tô hai bánh, kiểu dáng Wave, nhãn hiệu NAKASEI, có số máy VTTJL152FMH-B002119, số khung VTTDCH014TT*002119*để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Tịch thu tiêu hủy 01 con dao cán nhựa màu đen, lưỡi bằng kim loại màu trắng bản 25 cm.

(theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/5/2019 giữa Công an thị xã Thuận An và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An).

3. Về án phí:

Các bị cáo Lê Văn N, Lê Văn M mỗi người phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại; người đại diện hợp pháp của bị cáo vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- CQĐT Công an thị xã Thuận An;
- Cơ quan THAHS Công an thị xã Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các bị cáo; đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Lưu: HS, THAHS, VT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu